

Bản án số:34/2022/KDTM-ST
Ngày: 23-3-2022
V/v tranh chấp hợp đồng thi công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tụ
2. Ông Phạm Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2021/TLST-KDTM ngày 14 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng thi công theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2022/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 698/2022/QĐST-KDTM ngày 02 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty D P

Địa chỉ: 15E Công Trường H B, Phường MC, quận B T, Thành phố H

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị T T, sinh năm 1982, địa chỉ: 158/10 Phạm V C, Phường C, quận GV, Thành phố H là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền không số, ngày 14 tháng 01 năm 2022) – Có mặt

- Bị đơn: Công ty C P

Địa chỉ: 10/6 Trần N D, phường T Đ, Quận M, Thành phố H

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn T T, sinh năm 1960, địa chỉ: 325/22 B Đ, Phường ML, quận B T, Thành phố H là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 05/2022/UQ ngày 15/3/2022 của Công ty) – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 08/10/2021, bản khai ngày 09/11/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là Công ty D P (Sau đây gọi là Công ty D P) trình bày:

Công ty D P và Công ty C P (Say đây gọi là Công ty C P) có ký kết Hợp đồng kinh tế số 011018/HĐKT-DP/CP ngày 30/10/2018, cung cấp thiết bị lắp đặt các hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy vách tường kết hợp Sprinkler, hệ thống chống sét cho công trình “Nhà trưng bày sản phẩm Lô DVTM 12-13”, địa điểm đường N1, khu thương nghiệp Nam, KCX T T, Quận B, Thành phố H; tổng giá trị hợp đồng là: 2.496.915.300 đồng (Đã bao gồm cả VAT). Công ty D P đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng và hoàn thành nghĩa vụ của hợp đồng mà hai bên đã ký nêu trên.

Tuy nhiên, Công ty C P mới thanh toán cho Công ty D P tổng số tiền là 2.078.787.445 đồng, số tiền còn chưa thanh toán là: 2.496.915.300 đồng - 2.078.787.445 đồng = 418.127.855 đồng

Theo xác nhận công nợ mới nhất ngày 11/6/2021, số tiền nợ còn lại là: 418.127.855 đồng. Ngày 17/7/2021, Công ty D P có văn bản đề nghị Công ty C P thanh toán số tiền nêu trên chậm nhất là ngày 25/7/2021. Nhưng cho đến nay Công ty C P không thực hiện việc thanh toán cho Công ty D P. Vì vậy, Công ty D P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc: Công ty C P phải thanh toán cho Công ty D P số tiền nợ gốc: 418.127.855 đồng và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 26/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/3/2022 theo mức lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng TMCP Á Châu công bố là 13,5%/năm (lãi suất trong hạn là 9%/năm) là 37.123.996 đồng.

- Bị đơn là Công ty C P trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ 2 cho bị đơn, nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét và thẩm tra tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Công ty D P khởi kiện Công ty C P tranh chấp hợp đồng thi công; bị đơn có trụ sở tại địa chỉ 10/6 Trần ND, phường T Đ, Quận M, Thành phố H; căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là Công ty C P lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, do đó việc xét xử vắng mặt Công ty C P là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về áp dụng pháp luật nội dung:

[3] Xét yêu cầu của Công ty D P đòi Công ty C P thanh toán số tiền thi công còn thiếu là 418.127.855 đồng và tiền lãi từ ngày 26/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/3/2022 là 37.123.996 đồng, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4] Công ty C P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bằng văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp đã được công bố tại phiên tòa gồm:

- + Sổ chi tiết tài khoản theo đối tượng lập ngày 11/6/2021;
- + Hợp đồng kinh tế số 011018/HĐKT-DP/CP ngày 30/10/2018;
- + Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000096 ngày 23/7/2019.

Có cơ sở xác định, giữa Công ty D P và Công ty C P có ký kết Hợp đồng kinh tế số 011018/HĐKT-DP/CP ngày 30/10/2018 cung cấp thiết bị, lắp đặt các hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy vách tường kết hợp Sprinkler, hệ thống chống sét cho công trình “Nhà trưng bày sản phẩm Lô DVTM 12-13”, địa điểm đường N1, Khu thương nghiệp Nam, KCX T T, Quận B, Thành phố H thời gian thi công là 90 ngày; tổng giá trị hợp đồng là: 2.496.915.300 đồng.

[5] Căn cứ Sổ chi tiết tài khoản theo đối tượng 11/6/2021 được lập giữa Công ty D P và Công ty C P, từ ngày 19/9/2019 đến ngày 11/6/2021, Công ty C P còn nợ Công ty D P số tiền 418.127.855 đồng.

[6] Căn cứ khoản 2 và 3 Điều 144 Luật Xây dựng quy định về thanh toán hợp đồng xây dựng: “2. Các bên hợp đồng thỏa thuận về phương thức thanh toán, thời gian thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán.

3. Bên giao thầu phải thanh toán đủ giá trị của từng lần thanh toán cho bên nhận thầu sau khi đã giảm trừ tiền tạm ứng, tiền bảo hành công trình theo thỏa thuận hợp đồng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác”.

[7] Khoản 3.3 Điều 3 Hợp đồng kinh tế số 011018/HĐKT-DP/CP ngày 30/10/2018 hai bên thỏa thuận phương thức thanh toán như sau: “...đợt 3 bên A thanh toán phần còn lại giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền 998.766.120 đồng sau khi bên B hoàn thành công trình và được nghiệm thu của bên A”

[8] Xét, Công ty C P cho đến nay vẫn không thanh toán số tiền thi công còn thiếu cho Công ty D P là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận hợp đồng và theo quy định của pháp luật; do đó, Công ty D P yêu cầu Công ty C P thanh toán tiền thi công xây dựng còn thiếu 418.127.855 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

[9] Đối với yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán, khoản 2 Điều 43 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng, quy định:

“2. Trường hợp, bên giao thầu thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng thì phải bồi thường cho bên nhận thầu theo lãi suất quá hạn do ngân hàng thương mại nơi bên nhận thầu mở tài khoản thanh toán công bố tương ứng với các thời kỳ chậm thanh toán. Lãi chậm thanh toán được tính từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi bên giao thầu đã thanh toán đầy đủ cho bên nhận thầu, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.”

[10] Ngày 17/7/2021, Công ty D P có văn bản số 01/170721/ĐNTT đề nghị Công ty C P thanh toán số tiền 418.127.855 đồng chậm nhất vào ngày 25/7/2021, Công ty C P nhận được nhưng không có ý kiến phản hồi.

[11] Căn cứ mức lãi suất cho vay của khối khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, Ngân hàng của Công ty C P mở tài khoản thanh toán, áp dụng cho kỳ hạn vay 6-12 tháng đối với khoản vay không có tài sản bảo đảm từ 7-10%/năm, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn 13,5% (lãi trong hạn 9%/năm), tiền lãi chậm thanh toán

từ ngày 26/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/3/2022 là 37.123.996 đồng. Xét, Hợp đồng kinh tế số 011018/HĐKT-DP/CP hai bên không thỏa thuận lãi suất chậm thanh toán, việc nguyên đơn yêu cầu trả tiền lãi từ ngày 26/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất nợ quá hạn 13,5%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận. Tổng số tiền gốc và lãi là 455.251.851 đồng.

[12] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 144 Luật xây dựng năm 2014;

Căn cứ Điều 43 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty C P chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty D P số tiền nợ gốc 418.127.855 đồng và tiền lãi 37.123.996 đồng. Tổng cộng là 455.251.851 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật dưới sự giám sát của cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, Công ty C P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty C P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 22.210.074 đồng.

Công ty D P không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn lại cho Công ty D P số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 10.588.346 đồng theo

biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005011 ngày 14/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty D P có quyền kháng cáo bản án, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty C P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa